

Rome thiết lập tầm nhìn - Số mười một

Hiểu về sự áp dụng ba lần của lời tiên tri: Ngày 11 tháng 9 năm 2001 và tiến trình thử thách cuối cùng dành cho Cơ Đốc Phục Lâm La-ô-đi-xê

Jeff Pippenger
2024-08-30

Cũng như ngày 11 tháng 8 năm 1840 đã xác nhận các quy tắc do Miller chấp nhận, thì sau ngày 11 tháng 9 năm 2001, những ai sẵn lòng nhìn nhận đã thấy rằng các nguyên tắc tiên tri được Future for America chấp nhận chính là phương pháp Kinh Thánh chân thật về mưa rào muộn, như được trình bày trong Ê-sai chương 28. Việc áp dụng đường lối cải cách chồng lên đường lối cải cách, như được trình bày trong lịch sử thánh, đã chứng minh rằng ngày 11 tháng 9 năm 2001 là sự lặp lại của ngày 11 tháng 8 năm 1840.

Họ thấy rằng khi thiên sứ quyền năng của Khải Huyền đoạn 10 giáng xuống vào năm 1840, Ngài đã làm hình bóng cho sự giáng xuống của Ngài vào năm 2001. Cả hai thiên sứ đều giáng xuống khi một lời tiên tri về Hội giáo được ứng nghiệm. Phong trào sau đó phát triển khi nam nữ đáp lại tính hiệu quả của phương pháp. Giới lãnh đạo của Giáo hội Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy trong tình trạng La-ô-đi-xê đã bị bỏ qua vào thời kỳ cuối cùng năm 1989, và từ đó hội thánh ấy bước vào tiến trình thử nghiệm cuối cùng của mình, khi Chúa bắt đầu chọn phong trào của thiên sứ thứ ba làm những người phát ngôn của Ngài trong những ngày sau rốt.

Một quy tắc hàng đầu trong các quy tắc dành cho những ngày sau rốt là nguyên tắc áp dụng ba lần của lời tiên tri. Đặc biệt vào thời điểm đó là việc áp dụng ba lần của ba tai họa, điều đã xác nhận rất rõ ràng sự kiện ngày 11 tháng 9 năm 2001. Khi lẽ thật ấy được khảo sát một cách trung thực, những người khi ấy đang được dẫn dắt đến "những nẻo đường xưa" của Giê-rê-mi, bởi những tâm lòng tìm kiếm lẽ thật, sự ứng nghiệm tiên tri, cùng với tính đúng đắn của các quy tắc giải nghĩa tiên tri được phong trào của thiên sứ thứ ba chấp nhận.

Người ta nhận thấy rằng cách hiểu tiên phong đúng đắn về lịch sử của tai họa thứ nhất trong Khải Huyền chương chín đại diện cho Hội giáo. Tiên tri giả Mohammed được xem là vị vua của thời kỳ đó. Trong lịch sử ấy, Hội giáo sẽ tấn công Đế quốc La Mã, và phương thức chiến tranh của họ được xác định cụ thể là đột kích bất ngờ. Về phương diện đó, người ta hiểu rằng chính phương thức chiến tranh của Hội giáo đã cung cấp nguồn gốc từ nguyên cho từ "assassin". Trong lịch sử ấy, Hội giáo sẽ gây tổn hại cho các đạo quân La Mã, và giai đoạn này kết thúc theo khuôn khổ của một lời tiên tri về thời gian kéo dài một trăm năm mươi năm. Khi lời tiên tri về thời gian đó kết thúc vào ngày 27 tháng 7 năm 1449, lời tiên tri và lịch sử của tai họa thứ hai bắt đầu.

Nó khởi đầu một lời tiên tri về thời gian khác kéo dài ba trăm chín mươi một năm và mười lăm ngày, kết thúc vào ngày 11 tháng 8 năm 1840. Trong lịch sử đó, vị lãnh đạo đại diện cho vai trò tiên tri của Hội giáo là Ottman, người đã được Mohammed tiêu biểu trong lịch sử của tai ương thứ nhất. Chương chín nói rằng trong lịch sử của tai ương thứ hai, Hội giáo sẽ tiêu diệt quân đội La Mã. Họ vẫn áp dụng phương thức tác chiến, tấn công đột ngột và bất ngờ, nhưng trong bối cảnh đó

thuốc súng lần đầu tiên được phát minh và sử dụng, vì vậy tai ương thứ hai tượng trưng cho một phương thức chiến tranh được đặc trưng bởi đòn tấn công bất ngờ của sát thủ, đồng thời có thêm chất nổ.

Vào ngày 11 tháng 9 năm 2001, tai họa thứ ba của Hồi giáo bất ngờ tấn công các đạo quân thuộc linh của La Mã bằng chất nổ. Sự kiện đó đánh dấu sự khởi đầu của nhiều mạch lễ thật tiên tri, nhưng nó đã rõ ràng được dựa trên hai chứng cứ trước đó của tai họa thứ nhất và thứ hai. Sự kiện ấy cho thấy rõ ràng cũng như sự được thêm quyền năng trong lịch sử phong trào Millerite vào ngày 11 tháng 8 năm 1840, khi lời tiên tri về Hồi giáo của tai họa thứ hai được ứng nghiệm và thiên sứ của Khải Huyền chương mười giáng xuống, thì khi lời tiên tri về Hồi giáo của tai họa thứ ba đến, điều đó đánh dấu sự giáng xuống của thiên sứ trong Khải Huyền chương mười tám vào ngày ấy.

"Giờ đây lại có tin rằng tôi đã tuyên bố New York sẽ bị quét sạch bởi một cơn sóng thần? Điều đó tôi chưa hề nói. Tôi đã nói rằng, khi nhìn những tòa nhà lớn mọc lên ở đó, tầng này chồng tầng kia, 'Những cảnh tượng kinh hoàng nào sẽ diễn ra khi Chúa trời dậy để làm rung chuyển dữ dội trái đất! Bấy giờ những lời trong Khải Huyền 18:1-3 sẽ được ứng nghiệm.' Toàn bộ chương mười tám của sách Khải Huyền là một lời cảnh báo về những điều sắp đến trên đất. Nhưng tôi không có ánh sáng cụ thể nào về điều gì sẽ xảy ra cho New York, chỉ biết rằng một ngày nào đó những tòa nhà lớn ở đó sẽ bị lật đổ bởi sự xoay chuyển và đảo lộn của quyền năng Đức Chúa Trời. Từ ánh sáng đã được ban cho tôi, tôi biết rằng sự hủy diệt hiện diện trong thế gian. Chỉ một lời từ Chúa, một chạm của quyền năng vĩ đại của Ngài, là những công trình đồ sộ này sẽ đổ sụp. Những cảnh tượng sẽ diễn ra, sự kinh khiếp của chúng vượt ngoài sức tưởng tượng của chúng ta." Review and Herald, ngày 5 tháng 7, 1906.

Phong trào Future for America khi đó được những ai sẵn lòng nhìn nhận xem là song song với phong trào Millerite. Hồi giáo thuộc tai họa thứ ba đã trở thành một yếu tố chủ đạo của sứ điệp kể từ thời điểm ấy. Sự linh hứng dạy rõ ràng rằng khi thiên sứ của Khải Huyền giáng xuống thì mưa cuối mùa sẽ đến.

"Mưa cuối mùa sẽ đổ xuống trên dân sự của Đức Chúa Trời. Một thiên sứ quyền năng sẽ từ trời giáng xuống, và cả trái đất sẽ được chiếu sáng bởi vinh quang của thiên sứ ấy." Review and Herald, ngày 21 tháng 4 năm 1891.

Khi Sư Tử của chi phái Giu-đa bắt đầu mở ra sự hiểu biết rộng hơn về mưa cuối mùa, Ngài dẫn dân Ngài đến với sách Giô-ên, vốn là một điềm tham chiếu chính về mưa cuối mùa. Vào thời điểm đó, một số người trong số những người đã gia nhập phong trào sau ngày 11 tháng 9 năm 2001 kết luận rằng những con côn trùng trong sách Giô-ên phá hủy cây nho của Đức Chúa Trời, dẫn đến sự thức tỉnh của Tiếng Kêu Nửa Đêm, tượng trưng cho Hồi giáo. Họ không thể, hoặc không chịu, nhìn nhận rằng những con côn trùng ấy tượng trưng cho La Mã.

Ánh sáng mạnh mẽ, được đem lại nhờ việc nhận ra sự áp dụng ba lần của lời tiên tri liên quan đến ba tai họa, đã thêm vào lời khẳng định của họ rằng côn trùng tượng trưng cho Hồi giáo một cơ sở lý luận không được thánh hóa. Như vẫn luôn xảy ra, một khi người ta chấp nhận một cách giải thích riêng, thì việc bóp méo Kinh Thánh sẽ diễn ra nhằm cố gắng bảo vệ tiền đề sai lầm. Trong nỗ lực bảo vệ quan điểm của mình, họ cho thấy rằng họ không hiểu nguyên tắc về hình bóng và thực

tại.

Trong các nghiên cứu thần học và Kinh Thánh, các thuật ngữ "type" và "antitype" được dùng để mô tả mối quan hệ giữa hai yếu tố, trong đó một yếu tố phác họa trước hoặc báo trước yếu tố kia. Khái niệm này thường được xếp vào các phạm trù rộng hơn là "bóng" và "thực chất".

Kiểu mẫu là một biến cố, con người, hoặc thiết chế trong Cựu Ước báo trước hoặc gọi bóng một biến cố, con người, hoặc thiết chế tương ứng trong Tân Ước. Nó đóng vai trò như một sự báo trước mang tính biểu tượng. Hình ảnh đối ứng là sự ứng nghiệm hoặc hiện thực hóa của kiểu mẫu. Đó là thực tại đã được kiểu mẫu báo trước. Khái niệm "bóng" và "thực chất" song song với mối quan hệ giữa kiểu mẫu và hình ảnh đối ứng. "Bóng" đại diện cho (kiểu mẫu), còn "thực chất" đại diện cho (hình ảnh đối ứng).

Vậy, đừng để ai xét đoán anh em về thức ăn hoặc đồ uống, hoặc về ngày lễ, ngày trăng mới, hay các ngày Sa-bát; những điều ấy chỉ là bóng của những điều sẽ đến, còn thực thể là của Đấng Christ. Cô-lô-se 2:16, 17.

Vì luật pháp chỉ có bóng của những điều tốt lành sắp đến, chứ không phải hình ảnh thật của những điều ấy, nên bằng những sinh tế mà người ta dâng liên tục hằng năm, luật pháp chẳng bao giờ có thể làm cho những người đến gần được nên trọn vẹn. Hê-bơ-rơ 10:1.

Trong cuộc tranh cãi sau ngày 11 tháng 9 năm 2001 về sách Giô-ên và việc xác định đúng Rô-ma giáo hoàng được tượng trưng bởi bốn loài côn trùng, qua đó phác họa sự hủy diệt dần dần của Cơ Đốc Phục Lâm La-ô-đi-xê, những người lập luận rằng các côn trùng ấy là Hội giáo không những nhấn mạnh một cách không được thánh hóa vào việc áp dụng ba lần của ba tai họa, mà còn chỉ đến các hình bóng vốn hướng về thực thể là Rô-ma, và khẳng định rằng những hình bóng ấy thật ra nhận diện Hội giáo. Khi làm như vậy, họ cho thấy rằng hoặc là họ thực sự không hiểu nguyên tắc về hình bóng và thực thể, hoặc họ tin rằng bóp méo các hình bóng là một phương tiện đáng để biện minh cho cứu cánh.

Trong cuộc tranh cãi hiện nay về La Mã, lại một lần nữa có bằng chứng cho thấy những người giữ quan niệm sai lầm rằng "những kẻ cướp" trong Daniel chương mười một, câu mười bốn là Hoa Kỳ không hiểu đúng cả sự áp dụng ba lần của lời tiên tri lẫn nguyên tắc kiểu và phản kiểu.

Khi những người cho rằng "bọn cướp" là Hoa Kỳ tìm cách bảo vệ lập trường của mình, họ vận dụng nguyên tắc áp dụng ba lần vào "ba La Mã", để cho rằng như thế chứng minh rằng La Mã hiện đại, tức biểu hiện thứ ba của La Mã, chính là Hoa Kỳ. Hy vọng rằng họ không cố tình làm chứng dối và rằng họ chỉ đang bộc lộ một sự thiếu hiểu biết mù quáng về các quy tắc của việc áp dụng ba lần lời tiên tri, họ dùng một đặc điểm mang tính tiên tri của hai La Mã đầu tiên và lập luận rằng một đặc điểm trong lịch sử của La Mã nhận diện La Mã hiện đại.

La Mã ngoại giáo là sự ứng nghiệm tiên tri thứ nhất trong ba sự ứng nghiệm của La Mã. Trong Đa-ni-ên chương tám, La Mã ngoại giáo là sừng nhỏ giống đực. Trong chương hai, La Mã ngoại giáo là quyền lực nhà nước. Trong Đa-ni-ên chương bảy, La Mã ngoại giáo chia ra thành một vương quốc gồm mười phần.

Sự biểu hiện thứ hai của La Mã là La Mã giáo hoàng, vốn ở chương tám là sừng nhỏ ở dạng giồng cái, ở chương hai là quyền lực giáo hội, và ở chương bảy là cái sừng nói phạm thượng và nhỏ bật ba sừng. La Mã ngoại giáo là một quyền lực đơn nhất, còn La Mã giáo hoàng là một quyền lực hai mặt, biểu thị Giáo hội giáo hoàng cai trị trên quyền lực nhà nước của các cơ cấu chính trị trước kia của La Mã ngoại giáo. Năm 1798, quyền lực giáo hoàng nhận vết thương chí tử, nhưng nó không thôi là một giáo hội; nó chỉ thôi là một con thú trong lời tiên tri Kinh Thánh vì quyền lực dân sự mà trước đó nó kiểm soát đã bị tước bỏ.

La Mã thứ hai là La Mã giáo hoàng, và nó chỉ hoạt động như một quyền lực (con thú) của lời tiên tri Kinh Thánh khi nó có khả năng kiểm soát quyền lực của nhà nước để thực hiện các kế hoạch phạm thượng của mình. La Mã thứ nhất là một quyền lực đơn nhất, La Mã thứ hai là một quyền lực kép, và La Mã thứ ba là một quyền lực ba phần. Ba sự biểu hiện của La Mã được chi phối bởi cùng những nguyên tắc như mọi sự áp dụng ba lần của lời tiên tri. Về phương diện tiên tri, có ba tai họa, ba Ba-by-lôn, ba La Mã và ba Ê-li. Xét theo điển hình và phản điển hình, hai sự biểu hiện đầu tiên của bất kỳ sự áp dụng ba lần nào đều là những điển hình, cung cấp hình bóng cho sự ứng nghiệm thứ ba, là phản điển hình và là thực chất của sự áp dụng ba lần của lời tiên tri.

Đối với Rôma, các đặc điểm của hai Rôma đầu tiên cho thấy cả Rôma ngoại giáo lẫn Rôma giáo hoàng đều trao tước hiệu Pontifex Maximus cho nhà cai trị của họ. Vì vậy, tước hiệu của nhà cai trị Rôma hiện đại sẽ là Pontifex Maximus, một tước hiệu chưa bao giờ được gán cho bất kỳ tổng thống nào của Hoa Kỳ. Hai Rôma đầu tiên đã vượt qua ba trở ngại địa lý để thiết lập quyền uy trên ngai trị vì trong giai đoạn lịch sử riêng của họ. Không có bằng chứng cho thấy Hoa Kỳ đã vượt qua ba trở ngại địa lý trong giai đoạn dẫn đến năm 1798.

Hai giai đoạn La Mã đầu tiên được xác định là sẽ cai trị tối thượng trong một khoảng thời gian cụ thể. Trong câu 24 của Đa-ni-ên đoạn 11, La Mã ngoại giáo được xác định là cai trị trong một “thì,” tức 360 năm, từ Trận Actium năm 31 TCN cho đến năm 330 SCN. Nhiều lần La Mã giáo hoàng được xác định là cai trị trong 1.260 năm sau khi ba sừng bị loại bỏ, từ năm 538 đến năm 1798. Trong Ê-sai đoạn 23, Hoa Kỳ được xác định là cai trị trong bảy mươi năm tượng trưng, như những ngày của một vua, nhưng Hoa Kỳ chưa bao giờ loại bỏ ba chướng ngại địa lý trước khi cai trị trong bảy mươi năm tượng trưng.

Rôma hiện đại được mô tả là vượt qua ba chướng ngại địa lý là vua phương nam, đất vinh hiển và Ai Cập trong Đa-ni-ên, chương mười một, câu bốn mươi đến bốn mươi hai; và khi ba chướng ngại ấy bị đánh bại và khuất phục trước Rôma, thì chúng hình thành nên liên minh bộ ba của con rồng, con thú và tiên tri giả. Giảng cũng cho chúng ta biết rằng vết thương chí tử của con thú giáo hoàng được chữa lành, và rằng sau đó nó cai trị trong bốn mươi hai tháng tượng trưng.

Và tôi thấy một trong các đầu của nó như bị thương chí tử; nhưng vết thương chí tử ấy đã được chữa lành; và cả thể gian đều lấy làm lạ mà theo con thú. Người ta thờ lạy con rồng vì nó đã ban quyền cho con thú; họ cũng thờ lạy con thú, mà nói rằng: Ai sánh được như con thú? Ai có thể giao chiến với nó? Nó lại được ban cho một cái miệng nói những lời kiêu ngạo và những điều phạm thượng; và nó được ban quyền hành động trong bốn mươi hai tháng. Khải Huyền 13:3-5.

Con thú cai trị trong bốn mươi hai tháng tượng trưng sau khi vết thương chí tử của nó được chữa lành chính là quyền lực La Mã.

Lời tiên tri trong Khải Huyền 13 tuyên bố rằng quyền lực được tượng trưng bởi con thú có sừng như chiên con sẽ khiến “đất và những kẻ cư trú trên đó” thờ lạy giáo hoàng quyền—ở đó được biểu trưng bởi con thú “giống như một con báo.” . . . Trong cả Cựu Thế Giới và Tân Thế Giới, giáo hoàng quyền sẽ nhận được sự tôn kính qua vinh dự dành cho chế định ngày Chúa nhật, vốn chỉ dựa trên thẩm quyền của Giáo hội La Mã.” Cuộc Đại Tranh Chiến, 578.

La Mã ngoại giáo, tức La Mã thứ nhất, đã thống trị tối cao trong ba trăm sáu mươi năm, ứng nghiệm Daniel chương mười một, câu hai mươi bốn, và nó đã làm như vậy sau khi loại bỏ ba chướng ngại địa lý, ứng nghiệm Daniel chương tám, câu chín.

La Mã Giáo hoàng, tức La Mã thứ hai, đã thống trị tối cao suốt một nghìn hai trăm sáu mươi năm, ứng nghiệm nhiều đoạn Kinh Thánh; và điều đó diễn ra sau khi nó loại bỏ ba trở ngại địa lý, ứng nghiệm Đa-ni-ên chương bảy, câu tám và câu hai mươi.

La Mã hiện đại đánh bại Vua phương Nam trong câu 40 của Đa-ni-ên chương 11, rồi trong câu 41 nó chinh phục xứ vinh hiển và trong câu 42 nó chinh phục Ai Cập. La Mã hiện đại là Vua phương Bắc của Đa-ni-ên chương 11.

La Mã ngoại giáo, tức La Mã thứ nhất, đã là một thế lực bách hại; La Mã giáo hoàng, tức La Mã thứ hai, cũng đã là một thế lực bách hại; vì vậy La Mã hiện đại sẽ là một thế lực bách hại.

Hoa Kỳ sẽ tham gia vào cuộc bách hại thứ ba do Rôma hiện đại tiến hành, nhưng điều này không có nghĩa là Hoa Kỳ là quyền lực giáo hoàng; nó chỉ đơn giản cho thấy một đặc điểm trong mối quan hệ giữa Hoa Kỳ và quyền lực giáo hoàng trong những ngày sau rốt.

Những người muốn lập luận rằng Hoa Kỳ là "những kẻ cướp của dân người" trong những ngày sau rốt, sử dụng việc áp dụng ba lần của "ba La Mã" để nhận diện sai Hoa Kỳ. Phương pháp khiếm khuyết mà họ sử dụng trong bối cảnh áp dụng ba lần dựa trên việc xác định một đặc điểm của hai "La Mã" đầu tiên, và khẳng định rằng một đặc điểm mang tính tiên tri của La Mã, chứ không phải chính La Mã, là "La Mã" thứ ba.

Họ xác định luật ngày Chủ nhật đầu tiên trong lịch sử của Constantine vào năm 321 SCN, rồi luật ngày Chủ nhật của Rôma giáo hoàng vào năm 538 SCN, để khẳng định rằng luật ngày Chủ nhật sắp tới tại Hoa Kỳ cho thấy Hoa Kỳ là Rôma hiện đại; và họ còn làm rối thêm cách áp dụng sai lầm của mình khi đồng nhất lời cảnh báo của Chúa Giê-xu về việc phải chạy trốn khi xuất hiện “sự góm ghiếc tàn phá” mà Đa-ni-ên đã nói tới với luật ngày Chủ nhật. “Sự góm ghiếc tàn phá” mà Chúa Giê-xu nhắc đến chỉ tới hai luật ngày Chủ nhật trong những ngày sau rốt, nhưng đó là một biểu tượng rất khác ở chỗ đó là lời cảnh báo phải chạy trốn, chứ không phải lời cảnh báo tránh “đầu của con thú”. Quan niệm sai lầm của họ thậm chí còn không đề cập rằng có hai luật ngày Chủ nhật cụ thể trong những ngày sau rốt.

Vậy khi các người thấy sự góm ghiếc gây ra hoang tàn, điều mà đáng tiên tri Đa-ni-ên đã nói, đứng tại nơi thánh (ai đọc thì hiểu), thì bấy giờ những người ở Giu-đê hãy trốn lên núi; ai ở

trên mái nhà chớ xuống để lấy gì trong nhà; ai ở ngoài đồng chớ quay về để lấy áo xống. Khôn cho những người mang thai và những người đang cho con bú trong những ngày ấy! Nhưng hãy cầu nguyện để cuộc chạy trốn của các ngươi không xảy ra vào mùa đông, cũng không nhằm ngày sa-bát. Ma-thi-ơ 24:15-20.

“‘Sự góm ghiếc gây nên sự hoang tàn, điều được tiên tri Đa-ni-ên nói đến,’ là một dấu hiệu mà Chúa Giê-xu đã ban cho dân Ngài để xác định khi nào họ nên chạy trốn khỏi sự hủy diệt sắp đến trên Giê-ru-sa-lem, khi La Mã ngoại giáo bao vây và sau đó phá hủy đền thờ và thành phố, từ năm 66 đến năm 70 sau Công Nguyên.”

Chúa Giê-su công bố với các môn đồ đang lắng nghe những sự phán xét sẽ giáng trên Israel bội đạo, và đặc biệt là sự báo trả trừng phạt sẽ ập đến trên họ vì đã khước từ và đóng đinh Đấng Mê-si-a. Những dấu hiệu không thể nhầm lẫn sẽ báo trước cao trào khủng khiếp ấy. Giờ khủng khiếp ấy sẽ đến cách đột ngột và nhanh chóng. Và Đấng Cứu Thế cảnh báo những người theo Ngài: ‘Vây khi các ngươi thấy sự góm ghiếc gây ra sự hoang tàn, điều đã được đấng tiên tri Đa-ni-ên nói đến, đứng nơi thánh (ai đọc, hãy hiểu), thì những ai ở Giu-đê hãy trốn lên núi.’ Ma-thi-ơ 24:15, 16; Lu-ca 21:20, 21. Khi những cờ hiệu thờ hình tượng của người La Mã được dựng trên khu đất thánh, vốn kéo dài một quãng ra ngoài tường thành, thì những người theo Đấng Christ phải tìm sự an toàn bằng cách chạy trốn. Khi dấu hiệu cảnh báo xuất hiện, những ai muốn thoát nạn không được chậm trễ...

Không một Cơ Đốc nhân nào thiệt mạng trong sự hủy diệt thành Giê-ru-sa-lem. Đấng Christ đã báo trước cho các môn đồ của Ngài, và hết thảy những ai tin lời Ngài đều trông đợi dấu hiệu đã hứa. ... Không chậm trễ, họ chạy trốn đến một nơi an toàn — thành Pella, thuộc xứ Perea, bên kia sông Giô-đanh. Đại Tranh Chiến, 25, 30.

Khi năm 538 sắp đến, các tín hữu Cơ Đốc thời ấy nhận ra rằng Hội Thánh đã bị bại hoại bởi sự thỏa hiệp với tôn giáo ngoại giáo, và dựa trên lời cảnh báo của Đấng Christ, cùng với ánh sáng được ban qua lời chứng của sứ đồ Phao-lô trong II Tê-sa-lô-ni-ca chương hai, họ đã chạy trốn vào đồng vắng theo lời tiên tri kéo dài một nghìn hai trăm sáu mươi năm.

“‘Nhưng trước khi Đấng Christ đến, những diễn biến quan trọng trong thế giới tôn giáo, đã được lời tiên tri báo trước, sẽ xảy ra. Vị sứ đồ nói: ‘Đừng vội bị xao động trong tâm trí, cũng đừng bối rối—dù bởi thần linh, bởi lời nói, hay bởi thư như thể từ chúng tôi—như thể ngày của Đấng Christ đã gần kề. Đừng để ai dùng bất cứ cách nào lừa dối anh em; vì ngày ấy sẽ không đến, nếu trước hết không xảy ra sự bội đạo, và người tội ác, con của sự hư mất, chưa được tỏ ra; kẻ chống đối và tự tôn mình lên trên mọi điều được gọi là thần hay được thờ phượng, đến nỗi y, như thể là Đức Chúa Trời, ngồi trong đền thờ của Đức Chúa Trời, tỏ mình ra rằng y là Đức Chúa Trời.’”

Lời của Phao-lô không nên bị hiểu lầm. Không được dạy rằng ông, qua một sự mặc khải đặc biệt, đã cảnh báo những người Tê-sa-lô-ni-ca về việc Đấng Christ sắp đến ngay. Quan điểm như vậy sẽ gây rối loạn đức tin; vì thất vọng thường dẫn đến bất tín. Vì thế, sứ đồ đã cảnh báo anh em chớ nhận bất kỳ thông điệp nào xem như đến từ ông, và ông tiếp tục nhấn mạnh rằng quyền lực giáo hoàng, đã được nhà tiên tri Đa-ni-ên mô tả rất rõ ràng, còn sẽ trở dậy và gây chiến chống lại dân của Đức Chúa Trời. Cho đến khi quyền lực này làm xong công việc chết

chóc và phạm thượng của nó, thì việc Hội Thánh trông đợi sự đến của Chúa mình sẽ là vô ích. “Anh em chẳng nhớ sao,” Phao-lô hỏi, “rằng khi tôi còn ở với anh em, tôi đã nói với anh em những điều này?”

Những thử thách khủng khiếp sẽ bủa vây Hội Thánh chân chính. Ngay cả vào lúc sứ đồ đang viết, 'sự mâu nhiệm của điều gian ác' đã bắt đầu hoạt động. Những diễn biến về sau sẽ 'theo sự hoạt động của Sa-tan, với mọi quyền năng, các dấu lạ và những phép lạ giả dối, và với mọi sự dối gạt của sự bất chính nơi những kẻ bị hư mất.'

"Đặc biệt trang nghiêm là lời tuyên bố của sứ đồ liên quan đến những người sẽ từ chối tiếp nhận 'tình yêu đối với lẽ thật.' 'Vì lý do này,' ông tuyên bố về tất cả những ai cố ý khước từ các sứ điệp của lẽ thật, 'Đức Chúa Trời sẽ sai đến trên họ sự làm lạc mạnh mẽ, để họ tin điều dối trá; hầu cho tất cả những kẻ không tin lẽ thật nhưng ưa thích sự bất nghĩa đều bị đoán phạt.' Con người không thể ngang nhiên khước từ những lời cảnh báo mà Đức Chúa Trời trong lòng thương xót gửi đến cho họ mà không bị trừng phạt. Đối với những ai cứ khăng khăng quay lưng trước các lời cảnh báo ấy, Đức Chúa Trời rút lại Thánh Linh của Ngài, để mặc họ cho những sự lừa dối mà họ ưa thích." Công vụ các Sứ đồ, 265, 266.

Sự thỏa hiệp giữa chủ nghĩa ngoại giáo và Hội thánh là dấu hiệu cảnh báo khiến các Cơ Đốc nhân thời ấy tách khỏi La Mã giáo hoàng, nhưng cần lưu ý rằng sự soi sáng mà Phao-lô bổ sung cho lời cảnh báo của Chúa Giê-su về việc phải chạy trốn, chính là cùng một phân đoạn mà qua đó William Miller hiểu rằng “của lẽ hằng ngày” trong sách Đa-ni-ên tượng trưng cho La Mã ngoại giáo. Mỗi quan hệ tiên tri giữa La Mã ngoại giáo làm vật ngăn trở, rồi sau đó bị cắt đi để La Mã giáo hoàng lên ngôi là một lẽ thật cần phải được hiểu, vì hậu quả của việc không nhận ra mối quan hệ tiên tri ấy sẽ đem lại sự lừa dối mạnh mẽ trên những ai không yêu mến lẽ thật ấy. Bà White cũng đề cập đến cùng lịch sử này:

Để những ai quyết giữ lòng trung tín có thể đứng vững trước những sự lừa dối và điều ghê tởm được ngụ ý dưới lớp áo giáo sĩ và đưa vào giáo hội, đã cần một cuộc đấu tranh quyết liệt. Kinh Thánh không được chấp nhận làm tiêu chuẩn đức tin. Giáo lý về tự do tôn giáo bị coi là tà giáo, và những người ủng hộ nó bị căm ghét và bị căm đoán.

"Sau một cuộc xung đột dài lâu và khốc liệt, số ít người trung tín đã quyết định cắt đứt mọi sự liên kết với hội thánh bội đạo nếu hội thánh ấy vẫn từ chối tự giải thoát khỏi điều giả dối và thờ hình tượng. Họ nhận thấy rằng sự tách rời là điều tuyệt đối cần thiết nếu họ muốn vâng theo Lời Đức Chúa Trời. Họ không dám dung thứ những sai lầm gây chết chóc cho chính linh hồn mình, kéo lại nêu một tấm gương có thể đặt đức tin của con cái họ và con cháu họ vào hiểm nguy. Để bảo toàn hòa bình và hiệp nhất, họ sẵn sàng nhượng bộ bất cứ điều gì miễn là phù hợp với lòng trung tín đối với Đức Chúa Trời; nhưng họ cảm thấy rằng ngay cả hòa bình cũng sẽ là cái giá quá đắt nếu phải hy sinh nguyên tắc. Nếu sự hiệp nhất chỉ có thể đạt được bằng cách thỏa hiệp với lẽ thật và sự công chính, thì hãy để có sự bất đồng, thậm chí là chiến tranh." Đại Tranh Chiến, 45, 46.

Mối quan hệ mang tính tiên tri giữa Hoa Kỳ và chế độ giáo hoàng trong những ngày sau rốt đã được minh họa và được nhấn mạnh qua việc Phao-lô chỉ ra mối quan hệ giữa La Mã ngoại giáo và La Mã giáo hoàng trong thời kỳ dẫn đến năm 538 sau Công nguyên. Trong sự áp dụng ba lần liên

quan đến La Mã, La Mã ngoại giáo đã làm ứng nghiệm lời Chúa Giê-su khi xác định sự góm ghiếc hoang tàn như một dấu hiệu để chạy trốn, và La Mã giáo hoàng cũng đã làm ứng nghiệm lời của Ngài. Bà White chỉ ra một sự ứng nghiệm khác của lời Đấng Christ.

Bây giờ không phải là lúc để dân sự của Đức Chúa Trời đặt lòng mình nơi thế gian hay tích trữ của cải ở đó. Thời điểm ấy chẳng còn xa, khi chúng ta, như các môn đồ buổi đầu, sẽ bị buộc phải tìm nơi ẩn náu ở những chốn hoang vu, cô quạnh. Cũng như cuộc vây hãm Giê-ru-sa-lem bởi các đạo quân La Mã là tín hiệu để các Cơ Đốc nhân tại Giu-đê lánh nạn, thì việc quốc gia chúng ta nắm quyền lực bằng việc ban hành sắc lệnh cưỡng bách giữ ngày Sa-bát của Giáo hoàng sẽ là lời cảnh báo cho chúng ta. Bây giờ sẽ là lúc rời bỏ các thành phố lớn, để chuẩn bị rời cả những thành nhỏ hơn, tìm về những nơi ở ẩn đặt nơi hẻo lánh giữa miền núi. Chúng ngôn, tập 5, trang 464.

Đối với các Cơ Đốc nhân sống vào thời của Đấng Christ, lời cảnh báo ấy đã chỉ rõ khi nào phải chạy trốn khỏi Giê-ru-sa-lem. Vào thế kỷ thứ năm và thứ sáu, lời cảnh báo dành cho các Cơ Đốc nhân đã khiến họ chạy trốn vào đồng vắng.

Người nữ chạy trốn vào đồng vắng, nơi nàng có một chỗ đã được Đức Chúa Trời chuẩn bị, để tại đó người ta nuôi nàng một ngàn hai trăm sáu mươi ngày. ... Người nữ được ban cho hai cánh của một chim ưng lớn, để nàng có thể bay vào đồng vắng, đến chỗ của mình, nơi nàng được nuôi dưỡng trong một thì, hai thì và nửa thì, xa khỏi mặt con rắn. Và con rắn phun ra khỏi miệng nó nước như một trận lũ đuổi theo người nữ, để làm cho nàng bị cuốn trôi bởi lũ ấy. Nhưng đất đã giúp người nữ: đất mở miệng ra và nuốt dòng nước lũ mà con rồng đã phun ra khỏi miệng nó. Con rồng nổi giận với người nữ, và đi giao chiến với những kẻ còn lại thuộc dòng dõi nàng, là những kẻ giữ các điều răn của Đức Chúa Trời và có lời chứng của Đức Chúa Jê-sus Christ. Khải Huyền 12:6, 15-17.

Chúa Giê-su luôn dùng phần khởi đầu để minh họa phần kết thúc của một sự việc, vì Ngài là Anpha và Ômêga. Lời cảnh báo về “sự góm ghiếc gây nên hoang tàn” trong lịch sử Rô-ma giáo hoàng đã được nhận ra khi quyền lực giáo hoàng được xem là đứng tại nơi thánh.

Lời cảnh báo được Matthew, Mark và Luke ghi lại, và mỗi chỗ ghi chép đều có đôi chút khác biệt về từ ngữ. Matthew ghi rằng, "Vậy khi các người thấy sự góm ghiếc gây hoang tàn, điều đã được nhà tiên tri Daniel nói đến, đứng trong nơi thánh," và Mark ghi rằng, "khi các người thấy sự góm ghiếc gây hoang tàn, điều đã được nhà tiên tri Daniel nói đến, đứng ở nơi không nên." Luke ghi rằng, "khi các người thấy Jerusalem bị các đạo quân vây quanh, thì hãy biết rằng sự hoang tàn của nó đã gần. Bây giờ những ai ở trong Judaea hãy chạy trốn lên núi."

Cả ba lời chứng được áp dụng cùng nhau. Trong một cách áp dụng cụ thể hơn, lời của Lu-ca về việc Giê-ru-sa-lem bị các đạo quân vây quanh xác định lời cảnh báo rằng khi La Mã ngoại giáo bắt đầu vây hãm Giê-ru-sa-lem vào năm 66 SCN, các Cơ Đốc nhân còn ở trong thành phải lập tức chạy trốn. Chỗ Mát-thêu nói đến “nơi thánh” tương ứng với việc Phao-lô xác định “con người tội ác,” kẻ “ngồi trong đền thờ của Đức Chúa Trời, tỏ mình ra là Đức Chúa Trời,” qua đó biểu thị sự ứng nghiệm trong chế độ giáo hoàng của “sự góm ghiếc tàn phá.” Mác nêu “sự góm ghiếc tàn phá” đứng nơi không nên, và điều này tương ứng với lời cảnh báo phải chạy trốn được ban cho phong

trào Cơ Đốc Phục Lâm trong những ngày sau rốt. Hai trong các lời cảnh báo gắn với mệnh lệnh rằng ai đọc thì phải hiểu, và tất cả đều nói đến một dấu hiệu để báo cho các Cơ Đốc nhân đương thời biết mà chạy trốn.

Sự áp dụng sai lạc của “sự áp dụng ba lần”, bị những người cho rằng “những kẻ cướp dân ngoại” là Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ xuyên tạc, xác định rằng khi “điều góm ghiếc gây ra sự hoang tàn” được ứng nghiệm tại luật Chủ nhật ở Hoa Kỳ, thì luật Chủ nhật được cưỡng chế thi hành khi ấy sẽ xác định Hoa Kỳ là La Mã hiện đại, vì cả La Mã ngoại giáo lẫn La Mã giáo hoàng trước đây đều từng áp đặt luật Chủ nhật.

Vấn đề với cách áp dụng sai lạc đó là luật ngày Chủ nhật của La Mã ngoại giáo diễn ra vào năm 321 sau Công nguyên, nhưng sự ứng nghiệm của “sự góm ghiếc gây ra sự hoang tàn” bởi La Mã ngoại giáo đã xảy ra vào năm 66 sau Công nguyên, sớm hơn 255 năm so với luật ngày Chủ nhật năm 321. Tương tự, sự thỏa hiệp dẫn đến “người tội ác” đã diễn ra ngay trong thời của Phao-lô, người nói: “sự mầu nhiệm của gian ác đã hoạt động rồi”, thế nhưng luật ngày Chủ nhật của giáo quyền La Mã chỉ xuất hiện hơn bốn thế kỷ sau đó. Hai chứng cứ đầu tiên trong cách áp dụng lời tiên tri theo mô hình ba lần xác lập các đặc điểm của sự ứng nghiệm thứ ba trong thời kỳ sau rốt. “Sự góm ghiếc gây ra sự hoang tàn” trong thời kỳ sau rốt, dựa trên hai chứng cứ lịch sử và ba bản tường thuật Kinh Thánh về lời phán của Đấng Christ, là một lời cảnh báo để chạy trốn, chứ không phải là việc cưỡng chế thi hành một luật ngày Chủ nhật.

Trong bài viết tiếp theo, chúng tôi sẽ phân tích vì sao cách áp dụng này có sai sót trong bối cảnh các quy tắc đã được thiết lập gắn với việc áp dụng ba lần của lời tiên tri, và vì sao việc xác định luật Chủ nhật trong bối cảnh lời cảnh báo của Đấng Christ là một sự trình bày sai về lịch sử tiên tri.

Sự thỏa hiệp giữa ngoại giáo và Cơ Đốc giáo đã dẫn đến sự hình thành của ‘người tội ác’ mà lời tiên tri đã báo trước là sẽ chống nghịch và tôn mình lên trên Đức Chúa Trời. Hệ thống tôn giáo giả dối khổng lồ ấy là một kiệt tác của quyền lực Sa-tan—một tượng đài cho những nỗ lực của hắn nhằm ngự trên ngai để cai trị thế gian theo ý muốn của hắn. Đại Tranh Chiến, 50.